

Thứ sáu, ngày 15 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên Điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/5/2020		•	
Tuần 18/5-22/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trái ngược với diễn biến phiên trước, VN-Index khởi đầu với nhịp tăng khá tốt nhưng đuối dần và đảo chiều giảm điểm vào phiên chiều. Khối ngoại tiếp tục mua ròng với khối lượng giao dịch nằm ở quỹ ETF DIAMOND. Dòng tiền khối ngoại cũng đã hạn chế đà giảm điểm của thị trường. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước, biên độ dao động nói rộng và độ rộng ở trạng thái tiêu cực phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. BSC khuyến nghị duy trì tỷ trọng tiền mặt trong danh mục và theo dõi các diễn biến vĩ mô trên thế giới và kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp trong mùa đại hội cổ đông trước khi lựa chọn cơ hội đầu tư trong giai đoạn này.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2009, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu ngành Dược -0.1%

Phân tích kỹ thuật: NTC_Duy trì đà tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index -5.37 điểm, đóng cửa 827.03. HNX-Index -2.32 điểm, đóng cửa 109.02.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+0.97); VHM (+0.96); HNG (+0.16); VPB (+0.14); LGC (+0.11).
- Kéo chỉ số giảm: BID (-1.26); VNM (-1.09); MSN (-0.60); CTG (-0.48); PLX (-0.41).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,239 tỷ đồng, giảm -5.9% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 13.88 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có 90 mã tăng, 87 mã tham chiếu và 204 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 104.88 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFNVD (264.89 tỷ), VCB (79.38 tỷ) và VPB (21.46 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -12.91 tỷ đồng.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My
mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **827.03**
Giá trị: 4239.34 tỷ **-5.37 (-0.65%)**
Khối ngoại (ròng): 104.88 tỷ

HNX-INDEX **109.02**
Giá trị: 459.71 tỷ **-2.32 (-2.08%)**
Khối ngoại (ròng): -12.91 tỷ

UPCOM-INDEX **53.15**
Giá trị: 0.25 tỷ **-0.33 (-0.62%)**
Khối ngoại (ròng): -13.22 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	28.2	2.21%
Giá vàng	1,736	0.36%
Tỷ giá USD/VND	23,363	0.10%
Tỷ giá EUR/VND	25,238	-0.11%
Tỷ giá JPY/VND	21,812	0.07%
LS liên NH 1 tháng	2.0%	2.34%
LS TPCP 5 năm	2.1%	1.09%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	264.9	PRDR	42.0
VCB	79.4	VNm	41.7
VPB	21.5	VRE	17.5
MSN	9.1	DPM	10.3
SAB	5.3	AS	10.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu ngành Dược -0.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	3/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu ngành Dược	-0.1%	1.1%	1.7%	17.6%	-5.9%	-5.9%	17.9%
FTSE Việt Nam	-0.3%	1.0%	8.1%	22.1%	-12.7%	-12.7%	15.6%
Dầu khí	-0.6%	4.8%	9.0%	39.6%	-24.5%	-24.5%	15.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.7%	1.4%	7.8%	24.5%	-12.5%	-12.5%	22.2%
Stay-at-home	-0.8%	1.2%	2.9%	33.1%	-3.5%	-3.5%	22.2%
VN FinSelect	-0.8%	4.6%	11.6%	28.5%	-10.1%	-10.1%	22.2%
Xây dựng	-0.9%	3.3%	7.7%	33.8%	-8.2%	-8.2%	22.2%
Ngân Hàng	-0.9%	2.6%	9.1%	25.5%	-9.8%	-9.8%	22.2%
Corona Avengers	-0.9%	2.8%	7.2%	43.0%	-5.8%	-5.8%	15.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.0%	3.3%	10.6%	28.5%	-11.1%	-11.1%	17.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.0%	2.6%	4.6%	28.4%	-0.1%	-0.1%	15.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.0%	3.2%	8.9%	27.7%	-15.7%	-15.7%	22.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.1%	3.4%	9.4%	35.5%	-13.4%	-13.4%	22.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-1.2%	1.4%	4.5%	22.2%	-15.2%	-15.2%	22.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.3%	-4.1%	-4.1%	-4.1%	-4.1%	-4.1%	22.8%
Vật liệu Xây dựng	-1.4%	0.3%	4.5%	35.2%	-8.4%	-8.4%	22.2%
VN Diamond	-1.5%	4.5%	9.3%	32.5%	-12.7%	-12.7%	22.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.5%	1.8%	6.4%	27.4%	-12.2%	-12.2%	17.9%
Chiến tranh thương mại	-1.6%	2.0%	5.2%	37.6%	-12.9%	-12.9%	17.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.6%	4.5%	8.4%	31.4%	-12.6%	-12.6%	17.9%
Lãi suất giảm	-1.7%	3.0%	6.4%	37.0%	-9.6%	-9.6%	19.3%
Nước & Năng lượng	-1.8%	1.5%	2.9%	25.0%	-11.4%	-11.4%	22.2%
Hàng tiêu dùng	-2.1%	2.7%	6.1%	42.0%	-8.4%	-8.4%	15.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.9%	4.2%	7.3%	34.2%	-9.0%	-9.0%	22.8%
Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.2%	4.0%	8.2%	41.8%	-14.1%	-14.1%	20.9%
M22	-0.9%	2.3%	8.8%	31.2%	-7.8%	-7.8%	18.9%
S21	-1.0%	2.8%	6.0%	30.2%	-11.9%	-11.9%	19.9%
S32	-1.0%	3.1%	8.4%	40.9%	-17.3%	-17.3%	22.2%
M12	-1.1%	3.7%	8.9%	26.6%	-9.7%	-9.7%	20.0%
L22	-1.1%	3.9%	6.2%	35.1%	-11.4%	-11.4%	19.5%
S11	-1.2%	2.1%	7.2%	23.6%	-5.5%	-5.5%	18.8%
M31	-1.5%	1.5%	5.7%	26.7%	-13.5%	-13.5%	20.9%
L11	-1.5%	2.6%	5.7%	26.4%	-12.4%	-12.4%	17.2%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.9%	0.9%	4.0%	31.3%	-6.4%	-6.4%	18.8%
MID1	-1.2%	3.6%	7.1%	33.7%	-3.8%	-3.8%	17.4%
LOW1	-1.3%	2.8%	7.0%	22.6%	-9.5%	-9.5%	17.1%
INDEX							
VNINDEX	-0.6%	1.6%	7.5%	24.8%	-13.9%	-13.9%	16.8%
VN30INDEX	-0.9%	1.8%	8.2%	26.7%	-12.0%	-12.0%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	3	21	16	8	11	13
Mục tiêu	9	1	8	8	1	4	5
Rủi ro	3	0	3	2	1	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

NTC_Duy trì đà tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: NTC đang ở trong trạng thái tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay đồng thuận với đà hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị tốt và ổn định. Các chỉ báo xu hướng hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của NTC. Tuy vậy, chỉ báo động lượng RSI đang ở trong vùng quá mua nên cổ phiếu có thể có những nhịp điều chỉnh ngắn hạn trong đà tăng của mình. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của NTC nằm tại mốc 175. Nếu đang nắm giữ, nhà giao dịch có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng đỉnh cũ tại xung quanh ngưỡng 200, cắt lỗ nếu mốc 170 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 15/5

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 15/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	27.56	0.00%	11.40%	5.80%	-54.45%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	31.32	0.61%	1.10%	-0.40%	-50.52%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	92.50	1.15%	-2.90%	20.50%	-51.72%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1732.64	0.14%	1.80%	0.90%	35.39%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.08	1.30%	3.90%	4.00%	11.47%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	838.25	0.15%	-1.40%	-1.60%	-7.63%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	502.25	0.00%	-3.80%	-7.10%	-0.74%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.85	4.66%	23.20%	36.70%	1.57%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	142.27	0.94%	-0.70%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.46	1.95%	1.30%	2.00%	-22.23%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	106.70	1.57%	-2.10%	-9.80%	1.91%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5202.00	-0.42%	0.10%	3.60%	-14.72%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	486.12	-0.22%	-0.50%	2.70%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1475.00	-0.34%	-0.30%	-0.30%	-20.70%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.52	1.55%	3.60%	9.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.80	0.36%	4.70%	-5.10%	-33.17%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 tăng 1.94 USD (6.7%) lên 2.27 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 tăng 2.27 USD (9%) lên 27.56 USD/thùng.
- Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ trong tuần kết thúc vào ngày 9/5 là 2.98 triệu, giảm so với 3.18 triệu của tuần trước đó, là lần giảm thứ 6 liên tiếp, mặc dù vẫn còn ở mức cao. Nhu cầu xăng tỷ lệ thuận với thị trường việc làm. Những biện pháp nới lỏng giãn cách giúp nhu cầu xăng hồi phục dần, mặc dù các chuyên gia cho rằng khó có thể quay trở lại mức cao như trước đây.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ ngày 13/5 cho biết, tồn trữ dầu thô của Mỹ đã giảm 745,000 thùng trong tuần tới 8/5, xuống còn 531.5 triệu thùng, lần giảm đầu tiên trong vòng 15 tuần.
- IEA một lần nữa hạ mức dự báo nhu cầu dầu thế giới năm 2020, nhưng đồng thời cũng hạ dự báo về lượng tồn trữ dầu thô, theo đó cho rằng sẽ giảm khoảng 5.5 triệu thùng/ngày trong 6 tháng cuối năm.
- Ủy ban Giao dịch Hàng hóa kỳ hạn Mỹ cảnh báo các sàn giao dịch và các công ty môi giới nên chuẩn bị tinh thần cho khả năng sẽ có một đợt giá một số hợp đồng kỳ hạn có thể biến động mạnh khi đến lúc đáo hạn vào tuần tới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,727.70 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2020 tăng 1.4% lên 1,740.90 USD/ounce.
- Giá vàng phiên vừa qua tăng lên mức cao nhất trong vòng 3 tuần do nhu cầu đối với tài sản trú ẩn an toàn gia tăng khi các nhà đầu tư từ bỏ tài sản rủi ro vì lo sợ sự sa sút kinh tế có thể kéo dài và căng thẳng Mỹ - Trung có khả năng nóng trở lại. Trong buổi trả lời phỏng vấn đài Fox Business Network hôm 14-5, Tổng thống Mỹ Donald Trump nói rằng ông rất thất vọng vì Trung Quốc không ngăn chặn dịch COVID-19 ngay từ đầu, rằng lúc này ông không muốn nói chuyện với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và đề cập khả năng cắt quan hệ với Trung Quốc. Đại dịch cũng đã phủ bóng lên thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1.1% lên 648 CNY (91.31 USD)/tấn. Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.5% xuống 3,445 CNY/tấn, trong khi đó thép cuộn cán nóng tăng 0.3% lên 3,344 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc tiếp tục tăng do kỳ vọng Chính phủ nước này sẽ tăng cường kích thích kinh tế khiến nhu cầu đối với các vật liệu xây dựng cơ sở hạ tầng sẽ tăng mạnh.

Giá cao su

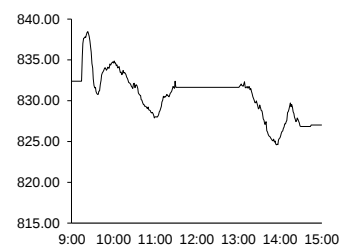
- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn TOCOM giảm 1 JPY xuống 151.1 JPY (1.4 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 60 CNY xuống 10,140 CNY (1,429 USD)/tấn.
- Giá cao su đồng loạt giảm trong phiên vừa qua sau khi Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tỏ ra bi quan về triển vọng hồi phục kinh tế, giữa bối cảnh thị trường lo ngại về làn sóng lây nhiễm virus corona lần thứ 2.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 1.65 US cent, đạt 1.067 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 21 USD (1.8%) lên 1,168 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7 trên sàn New York tăng 0.2 US cent (1.9%) lên 10.46 US cent/lb, trong khi đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 10.4 USD (3%) lên 355.2 USD/tấn. Giá dầu thô 2 tuần qua hồi phục đã khiến khu vực Trung Nam Brazil chuyển hướng gia tăng tỷ lệ mùa dùng để sản xuất ethanol.
- Hiện gạo 5% tấm của Thái Lan là 480 – 485 USD/tấn, giảm so với mức 515 – 546 USD/tấn cách đây một tuần. Trong khi đó, gạo cùng loại của Việt Nam giá 450 – 460 USD/tấn – cao nhất gần 1 năm; gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ giá 380 – 385 USD/tấn, cao nhất trong vòng 9 tháng.

Hình 1

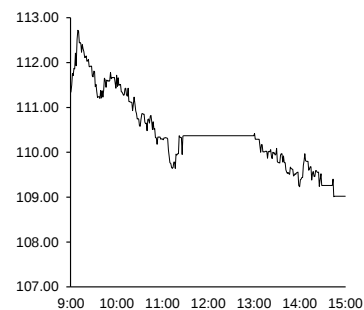
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

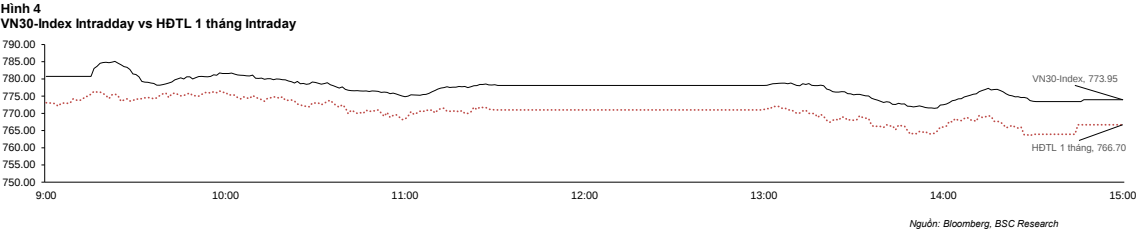
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-2.98%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.21%
Dầu khí	-1.94%
Tài nguyên Cơ bản	-1.81%
Hóa chất	-1.76%
Ngân hàng	-1.22%
Công nghệ Thông tin	-1.22%
Thực phẩm và đồ uống	-1.21%
Dịch vụ tài chính	-1.01%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.01%
Bán lẻ	-0.98%
Xây dựng và Vật liệu	-0.76%
Ô tô và phụ tùng	-0.57%
Du lịch và Giải trí	-0.46%
Truyền thông	-0.29%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.23%
Y tế	-0.15%
Viễn thông	0.00%
Bất động sản	0.68%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	766.70	-0.17%	-14.03	-15.8%	185,787	5/21/2020	7
VN30F2006	751.00	-0.42%	-29.73	56.1%	2,177	6/18/2020	35
VN30F2009	740.30	-0.76%	-40.43	-25.2%	92	9/17/2020	126
VN30F2012	742.10	-0.32%	-38.63	-90.8%	59	12/17/2020	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -6.78 điểm xuống mức 773.95 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MSN, HPG, TCB, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng lên gần 785 điểm, trước khi điều chỉnh giảm. Sang phiên chiều, VN30 giằng co quanh 775 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 770-785 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 730 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSTB2003	KIS	9/16/2020	125	1:1	107,960	-11.8%	3.0 triệu	37.64%	1,360	1,280	6.67%	445.50	2.87
CROS2002	KIS	12/16/2020	216	1:1	96,610	175.6%	2.0 triệu	62.71%	1,000	640	4.92%	68.80	9.30
CHPG2002	KIS	12/16/2020	216	2:1	51,410	-76.0%	3.0 triệu	33.39%	1,700	1,190	1.71%	372.20	3.20
CFPT2005	VND	7/1/2020	48	1:1	55,650	-49.5%	1.0 triệu	32.53%	2,900	9,490	-0.94%	7,833.00	1.21
CVPB2001	HSC	6/22/2020	39	2:1	78,080	-66.9%	5.0 triệu	41.58%	1,500	2,000	-2.44%	2,034.30	0.98
CVNM2002	KIS	12/16/2020	216	5:1	8,700	-47.4%	3.0 triệu	30.06%	3,200	1,830	-3.68%	545.50	3.35
CFPT2003	SSI	11/9/2020	179	1:1	21,080	-63.7%	2.0 triệu	32.53%	7,300	12,350	-3.74%	9,292.90	1.33
CHPG2001	HSC	6/30/2020	47	2:1	78,370	-20.9%	5.0 triệu	33.39%	1,800	980	-3.92%	475.40	2.06
CVHM2001	KIS	12/16/2020	216	5:1	82,880	-26.2%	2.0 triệu	33.70%	3,100	1,160	-4.13%	371.20	3.13
CFPT2004	SSI	8/10/2020	88	1:1	17,730	-75.7%	2.0 triệu	32.53%	5,100	9,880	-4.17%	7,521.70	1.31
CMBB2002	SSI	8/10/2020	88	1:1	157,810	26.5%	3.0 triệu	32.81%	1,300	1,450	-5.23%	739.50	1.96
CSTB2001	KIS	6/19/2020	36	3:1	221,750	-47.5%	5.0 triệu	37.64%	1,500	350	-5.41%	109.00	3.21
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	69	1:1	73,450	-35.8%	1.5 triệu	41.58%	2,200	2,200	-5.98%	2,854.10	0.77
CMBB2003	SSI	11/9/2020	179	1:1	92,000	110.5%	3.0 triệu	32.81%	2,000	2,280	-6.17%	1,281.20	1.78
CFPT1908	MBS	6/17/2020	34	3:1	73,580	-78.5%	2.4 triệu	32.53%	3,150	1,500	-6.25%	1,193.80	1.26
CHDB2003	KIS	12/16/2020	216	2:1	22,590	-48.6%	2.0 triệu	35.37%	2,700	960	-6.80%	226.60	4.24
CHPG2004	SSI	6/15/2020	32	1:1	207,510	73.1%	5.0 triệu	33.39%	2,800	1,490	-6.88%	959.00	1.55
CVRE2003	KIS	12/16/2020	216	2:1	134,930	4.0%	3.0 triệu	39.44%	3,000	730	-7.59%	160.00	4.56
CDPM2002	KIS	12/16/2020	216	1:1	41,800	1678.7%	2.0 triệu	38.15%	1,700	2,430	-7.95%	1,145.40	2.12
CFPT2001	HSC	6/22/2020	39	5:1	159,760	-37.1%	5.0 triệu	32.53%	1,600	800	-10.11%	518.00	1.54
Tổng:					1,783,650		59.90 triệu	36.32%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn		
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%								
					**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes		

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

- Về giá, CFPT2002 và CVIC2002 tăng tích cực lần lượt là 10.00% và 8.77%. Trái lại, CDPM2002 và CREE2002 giảm mạnh lần lượt là -36.21% và -16.96%. Giá trị giao dịch tăng 15.14%. CFPT2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.27% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CFPT2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	63.90	3.23	1.23
VIC	96.00	1.05	0.63
VCB	76.00	0.53	0.21
STB	10.05	0.90	0.21
EIB	15.35	0.66	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HDB	23.0	-2.95	-0.62
VPB	23.7	-1.05	-0.56
FPT	48.7	-1.32	-0.53
VNM	113.0	-0.62	-0.52
VHM	70.6	-1.12	-0.41

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2003	12,471	11,111	10,050
CROS2002	8,227	7,227	3,450
CHPG2002	33,399	29,999	23,950
CFPT2005	51,900	49,000	48,700
CVPB2001	23,000	20,000	23,650
CVNM2002	157,111	141,111	113,000
CFPT2003	57,300	50,000	48,700
CHPG2001	27,600	24,000	23,950
CVHM2001	110,067	94,567	70,600
CFPT2004	55,100	50,000	48,700
CMBB2002	19,300	18,000	17,300
CSTB2001	12,499	10,999	10,050
CVPB2003	24,200	22,000	23,650
CMBB2003	20,000	18,000	17,300
CFPT1908	63,450	54,000	48,700
CHDB2003	37,523	32,123	23,000
CHPG2004	26,300	23,500	23,950
CVRE2003	43,999	37,999	24,050
CDPM2002	16,952	15,252	14,050
CFPT2001	64,000	56,000	48,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.0	-1.1%	1.2	1,634	3.8	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.6	-2.0%	1.3	623	2.8	5,248	12.1	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.7	-1.6%	1.3	1,604	2.1	1,168	42.5	1.9	28.6%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	33.4	9.9%	0.5	325	0.0	2,092	16.0	1.1	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.0	1.1%	0.9	14,118	4.1	2,095	45.8	4.0	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	24.1	-1.8%	1.1	2,376	4.1	1,226	19.6	2.0	31.2%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.6	0.2%	0.8	2,217	2.8	3,584	14.7	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	-0.2%	0.8	431	0.6	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.0	0.5%	1.4	248	1.6	2,289	4.8	0.8	39.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.3	1.4%	1.3	372	3.6	1,415	10.1	0.8	50.6%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.7	4.1%	1.0	162	1.0	4,240	5.4	0.9	33.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.6	3.1%	1.7	246	3.0	1,480	12.5	1.3	54.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.7	-1.3%	0.8	1,660	5.5	4,804	10.1	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.0	-1.0%	0.4	519	0.0	4,812	10.0	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.5	-1.2%	1.4	5,950	2.1	5,820	12.3	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.6	-0.1%	1.5	2,361	2.0	869	52.5	2.9	13.2%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.8	-1.5%	1.5	266	2.2	1,777	7.2	0.5	13.1%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.5	1.6%	0.8	876	1.9	898	7.2	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.0	-0.6%	0.5	523	0.1	5,046	18.2	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.1	-3.1%	0.6	239	1.6	1,006	14.0	0.7	14.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.6	-2.5%	0.5	197	0.5	415	20.6	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	76.0	0.5%	1.2	12,255	7.0	4,848	15.7	3.3	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.7	0.3%	1.5	6,942	3.5	2,140	18.5	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.4	-1.4%	1.2	3,456	5.4	2,510	8.5	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	23.7	-1.0%	1.2	2,507	5.2	3,750	6.3	1.3	23.1%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	-1.1%	1.1	1,814	5.6	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	21.4	-1.4%	1.0	1,547	3.6	3,780	5.7	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	46.8	-1.5%	0.8	167	0.4	5,303	8.8	1.5	79.2%	17.0%
NTP	Nhựa	35.9	1.4%	0.4	153	0.1	4,208	8.5	1.4	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	0.0%	0.6	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	24.0	-0.6%	1.1	2,875	6.8	2,764	8.7	1.3	36.7%	17.4%
HSG	Thép	9.1	0.3%	1.6	175	4.1	1,491	6.1	0.7	17.5%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	113.0	-0.6%	0.7	8,555	6.9	5,453	20.7	6.6	58.5%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	172.2	0.1%	0.8	4,801	0.3	6,719	25.6	6.4	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.9	3.2%	1.0	3,248	7.1	3,961	16.1	1.8	36.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-1.3%	0.8	376	1.5	141	104.9	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	58.5	-1.0%	0.8	5,537	1.2	3,450	17.0	3.5	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	114.0	-0.8%	1.1	2,596	2.6	7,110	16.0	4.0	18.7%	26.3%
HVN	Vận tải	27.7	-0.9%	1.7	1,708	1.3	1,654	16.7	2.2	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	0.3%	0.9	252	0.5	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.9	-0.9%	1.0	133	1.1	2,117	5.1	0.7	25.2%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.1	-2.1%	1.0	446	1.0	9,201	7.2	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.1	2.1%	0.7	332	0.1	1,453	11.7	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.1	0.0%	1.0	234	0.2	1,938	7.3	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	69.0	-2.3%	1.2	229	0.9	8,032	8.6	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	-0.4%	0.4	484	0.0	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.7	-1.7%	0.4	214	1.1	1,775	11.6	1.0	45.4%	8.5%
POW	Điện	10.2	-1.5%	0.6	1,033	2.1	1,028	9.9	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	21.1	-1.2%	0.5	264	0.3	2,543	8.3	1.4	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	96.00	1.05	0.97	1.00MLN
MSN	63.90	3.23	0.67	2.57MLN
VCB	76.00	0.53	0.42	2.12MLN
GEX	16.40	6.84	0.15	6.05MLN
BID	39.70	0.25	0.12	1.99MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.77	2.27MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.49	688000.00	607060.00
VNM	0.00	-0.35	1.40MLN	373600.00
GVR	0.00	-0.34	1.40MLN	192700.00
CTG	0.00	-0.32	5.83MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHM	7.49	7.00	0.00	476010.00
CLL	29.10	6.99	0.02	2770.00
VRC	6.95	6.92	0.01	288140.00
DIC	1.70	6.92	0.00	1.01MLN
TEG	3.40	6.92	0.00	95850.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BMI	21.50	-8.12	-0.05	416310.00
HTL	13.95	-7.00	0.00	200.00
TCD	9.86	-6.98	-0.01	1590.00
CMV	12.00	-6.98	0.00	2460.00
LM8	20.75	-6.95	0.00	3160.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	31.90	4.93	0.12	207800.00
PVI	33.40	9.87	0.11	27200.00
HUT	2.00	5.26	0.02	3.81MLN
VIX	5.00	4.17	0.02	55600.00
ART	3.00	7.14	0.02	5.58MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.40	-1.38	-0.49	3.83MLN
SHB	17.20	-0.58	-0.13	2.68MLN
DL1	11.20	-9.68	-0.06	1200.00
PVS	12.80	-1.54	-0.05	4.00MLN
VCS	66.10	-2.07	-0.05	348800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

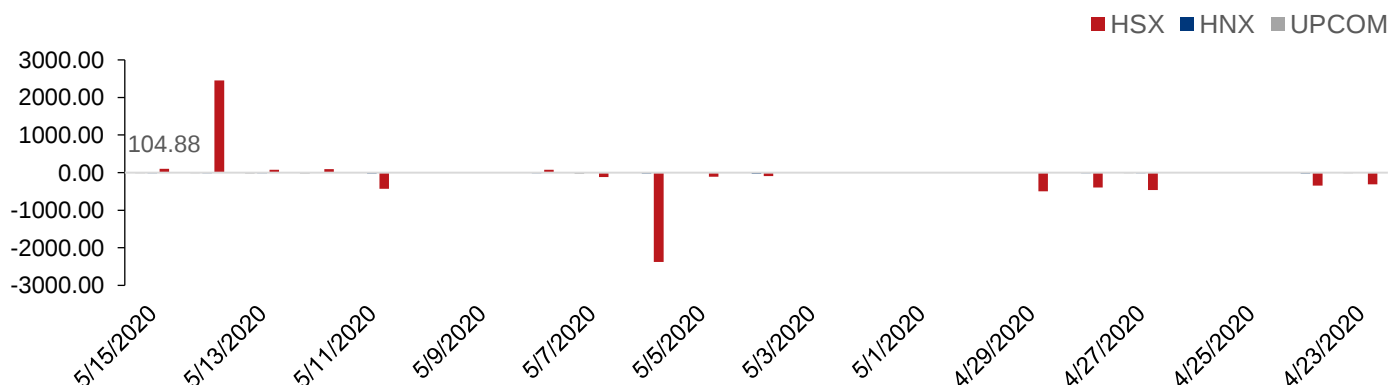
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.00	363200.00
SPI	1.00	11.1	0.00	376600.00
VIG	1.00	11.1	0.00	76800.00
DST	3.30	10.0	0.01	304500.00
VNF	28.60	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KVC	0.80	-11.11	-0.01	484300.00
PVX	0.80	-11.11	-0.02	9.75MLN
PBP	5.50	-9.84	0.00	100.00
VXB	6.50	-9.72	0.00	700.00
DL1	11.20	-9.68	-0.06	1200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.3	5,311	4.0	1.0	Click
2	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	26.7	4,465	6.0	1.2	Click
3	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	76.0	4,848	15.7	3.3	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	21.4	3,780	5.7	1.2	Click
5	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	32.0	6,553	4.9	1.2	Click
6	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.5	3,887	11.4	2.2	Click
7	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.7	4,804	10.1	2.3	Click
8	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.3	1.0	Click
9	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.1	1,880	6.9	0.6	Click
10	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	172.2	6,719	25.6	6.4	Click
11	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	23.0	1,782	12.9	1.6	Click
12	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	113.0	5,453	20.7	6.6	Click
13	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	1,781	7.0	0.7	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.0	8,808	9.4	2.8	Click
15	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.0	6,553	4.9	1.2	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	48.7	4,804	10.1	2.3	Click
17	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.4	2,282	8.5	1.4	Click
18	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	92.0	5,046	18.2	3.4	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	3/1/2020	86.5	99.7					Click
20	PVT	Vận tải	Theo dõi	3/2/2002	16.8	20.2					Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoáng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BDS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thế mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door – to – door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn